TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2023/HNGĐ-ST.
Ngày 12-01-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Quý

Bà Ngô Thị Hóa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Ngọc N,** sinh năm 1988

Bị đơn: Chị **Trần Thị Phương G,** sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu 10 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Anh N và chị G đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Ngọc N là nguyên đơn trình bày:

Tôi kết hôn với chị Trần Thị Phương G vào ngày 05 tháng 6 năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã C , huyện H , tỉnh Phú thọ (nay là xã Y). Sau kết hôn vợ chồng cùng làm ruộng tại địa phương. Vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất dồng trong quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến

nay. Chị G cũng đã về ở với bố mẹ đẻ, chúng tôi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết cho tôi được ly hôn chị G.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2016, hiện 2 cháu đang ở với tôi. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đề ngày 20/12/2022, chị Trần Thị Phương G trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Ngọc Ng vào ngày 05 tháng 6 năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã C , huyện H , tỉnh Phú thọ (nay là xã Y). Vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau , thậm chí còn xảy ra xô xát. Từ năm 2019 chị đi làm ăn xa nhà, tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đến nay hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh N xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2016, hiện 2 cháu đang ở với anh N. Ly hôn, chị đồng ý anh N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chị sẽ cấp dưỡng nếu anh N có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị đang lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh không có địa chỉ cụ thể. Vì đường xá xa xôi không có điều kiện để về Tòa án làm việc được, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của anh N, chị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Đề nghị HĐXX xử Công nhận thuận tình ly hôn cho anh Hoàng Ngọc N và chị Trần Thị Phương G.

Về con chung: Giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2016 kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu. Anh N, chị G đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Anh N, chị G không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh N và chị G xác định không có, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

Về án phí LHST: Anh N phải chịu 75.000đ, chị G phải chịu 75.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập làm việc và thông báo cho chị Trần Thị Phương G tham gia buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị G không có mặt. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải vì nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải quy định tại khoản 4 điều 207 của BLTTDS. Anh N, chị G đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS, Tòa án xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc N và chị Trần Thị Phương G kết hôn ngày 5/6/2012 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã C (cũ), huyện H, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Y) đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng làm ruộng tại địa phương. Anh N và chị G đều công nhận vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016 và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị G đi làm ăn từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh N xin ly hôn, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn cũng nhất trí ly hôn. Việc các bên đương sự thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3] Về con chung: Xác định anh N, chị G có hai con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2016, hiện các cháu đang ở với anh N. Ly hôn, anh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chị G cũng nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu anh N có yêu cầu. Về thực tế thì hiện anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và hiện nay chị G cũng không có mặt ở địa phương. Do vậy, sau ly hôn cần giao anh N tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Chị G không phải cấp dưỡng do anh N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N, chị G không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh N, chị G xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí LHST: Anh N phải nộp 75.000đ, chị G phải nộp 75.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho anh Hoàng Ngọc N và chị Trần Thị Phương G.

2-Về con chung: Xử: Giao cho anh Hoàng Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2016 kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu.

Anh N, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc chị G thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh N, chị G không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4-Về án phí: Anh Hoàng Ngọc N phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005149 ngày 12/12/2022

Hoàn trả cho anh Hoàng Ngọc N số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị Phương G phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí LHST.

Anh N, chị G có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Y;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.